

## Làm sao giải quyết bội chi ngân sách quá lớn và kéo dài quá nhiều năm ở Việt Nam

Vũ Quang Việt  
Bản nháp 5, 6/8/2017

*Tác giả xin cảm ơn nhiều bạn bè đã chia sẻ thông tin về đời sống ở Việt Nam, đặc biệt cảm ơn chị Phan Thanh Hà (nguyên chuyên gia của Bộ Kế hoạch Đầu tư) và anh Trịnh Tiến Dũng (nguyên chuyên gia của Liên Hợp Quốc) đã đọc bản thảo rất kỹ, xem xét số liệu, góp ý với các nhận định, sửa chữa nhiều chỗ sai sót, và đề nghị tác giả phát triển thêm một số ý mới trong bài, như xem xét lại vấn đề lương quá thấp của lãnh đạo chính trị. Tuy nhiên tác giả là người duy nhất chịu trách nhiệm về mọi số liệu, ý kiến, quan điểm nêu trong bài viết. VQV.*

<b>Giới thiệu và tóm lược</b> .....	1
<b>1. Thực trạng ngân sách chi và bội chi</b> .....	4
<b>2. Nguyên nhân và kết quả của chi khủng và bội chi</b> .....	5
<b>3. Tại sao chi thường xuyên tăng mạnh?</b> .....	6
3.1. Lao động dịch vụ nhà nước tiếp tục tăng mạnh.....	6
3.2. Lương công chức nhà nước không hề thấp và tiếp tục tăng.....	7
3.3. Chi tiêu cho quân đội và đặc biệt là công an quá lớn.....	11
<b>4. Lương trong doanh nghiệp nhà nước và lương lãnh đạo chính trị: một vấn đề không thể bỏ qua</b> ..	14
<b>Phụ lục 1</b> .....	16
<b>Nguyên tắc tính lương công chức ở Việt Nam</b> .....	16
<b>Phụ lục 2</b> .....	17
<b>So sánh lương giáo sư đại học</b> .....	17
<b>Phụ lục 3</b> .....	19
<b>Phương pháp tính chi ngân sách nhà nước năm 2014 cho an ninh quốc phòng, tỷ đồng</b> .....	19
<b>Phụ lục 4</b> .....	21
<b>Lương lãnh đạo cao nhất nước, và tỷ lệ lương trên GDP bình quân đầu người và các yếu tố quyết định lương lãnh đạo chính trị và công chức</b> .....	21

### Giới thiệu và tóm lược

Một câu hỏi lớn nổi lên trong nhiều năm qua là tại sao Việt Nam để xảy ra bội chi ngân sách vô cùng lớn và trong thời gian rất dài, bình quân ở mức 6% GDP, gấp đôi ngưỡng an toàn theo thông lệ quốc tế (3%). Rõ ràng tình hình chi tiêu ngân sách như vậy là không thể chấp nhận được.

Chi ngân sách cao và liên tục tăng trong khi thu ngân sách giảm vì tăng trưởng GDP sụt giảm từ năm 2007 đến nay. Tại sao như vậy? Chi vào đâu? Liệu có thể cắt giảm được không? Có hai câu hỏi lớn cần được giải đáp. Một: Có phải lương công chức và viên

chức Việt Nam quá thấp nên cần tăng lương để nâng cao năng suất? Hai: Tính khả thi của các biện pháp, [nghị quyết tinh giản biên chế](#), cụ thể: cắt giảm ai, khu vực nào?

Các phân tích của bài này cho thấy lương công chức không phải thấp nếu so với năng suất lao động, nguồn tạo ra của cải để chi trả lương thể hiện bằng GDP bình quân đầu người trong cùng đơn vị thời gian. GDP đã thấp lại có tốc độ tăng trưởng sụt giảm liên tục từ 2007. Số lượng người hoạt động trong khu vực hành chính nhà nước là 530 ngàn, không phải là cao nếu so với số dân, nếu cộng thêm biên chế hoạt động đảng và đoàn thể, số nhân sự mang tính hành chính này ước lên đến 661 ngàn. Tuy nhiên, nếu phân tích sâu, có thể cắt giảm biên chế ở một số lĩnh vực, đồng thời nghiên cứu tăng lương ở các khu vực cần thiết. Mặc dù lương công chức nói chung không thấp, nhưng lương cơ bản khởi điểm của nhóm công chức cấp chuyên viên có bằng đại học (loại A0) lại quá thấp, sau khi được tăng vào tháng 7 năm 2017 chỉ có 3.7 triệu/tháng bằng lương tối thiểu cho lao động không chuyên trong khu vực doanh nghiệp, còn lương công chức ngạch cán sự (không phải chuyên viên) lại còn thấp hơn nữa, chỉ có 1.7 triệu/ tháng, thấp hơn nhiều so với lương tối thiểu trong doanh nghiệp.

Các giải pháp tăng lương vừa qua là tăng lương đại trà cho mọi công chức thay vì theo chọn lọc có trọng điểm. Lương tăng 5.2% kể từ tháng 5 năm 2016 (từ lương cơ sở 1.15 triệu/tháng lên 1.21 triệu) và thêm 7.4% kể từ tháng 7 năm 2017 (lên mức 1.3 triệu/tháng).<sup>1</sup> Như vậy trong vòng một năm 2 tháng, lương tăng đại trà 13%. Nếu tính suốt từ năm 2013 đến nay, lạm phát là 11% trong khi tăng lương là 13%. Như thế lương công chức bình quân (không kể phụ cấp) năm 2015 là 5.1 triệu/tháng, đã là 6 triệu/tháng kể từ tháng 7 năm 2017. Việc tăng lương tập trung vào một thời điểm ngắn có khả năng đẩy mạnh lạm phát nếu không có chính sách tiền tệ phù hợp, nhưng chắc chắn là tăng chi, và tăng vay mượn.

Nhìn chung, số viên chức trong khu vực giáo dục hưởng lương nhà nước rất cao lên tới 2.2 triệu người và chi thường xuyên cho ngân sách cho giáo dục cũng rất cao, chiếm 16% tổng chi ngân sách. Đây là bốn phạm của nhà nước nhằm bảo đảm cho người dân một nền giáo dục cơ bản cho nên khó có thể cắt giảm.<sup>2</sup>

Khu vực lực lượng vũ trang (bao gồm quốc phòng và công an) cũng có số lượng nhân sự rất cao nếu so với Mỹ và TQ theo tỷ lệ dân, chiếm trên 1 triệu và chiếm tỷ lệ lớn trong chi tiêu ngân sách thường xuyên. Lương bình quân lực lượng vũ trang không biết là bao nhiêu, nhưng theo thông tin tác giả nhận được thì thời ông Lê Đức Anh và Đỗ Mười lương khu vực này được xây dựng trên cơ sở là lương lực lượng vũ trang chuyên nghiệp

<sup>1</sup> Mức lương cơ sở 1,15 triệu đồng/tháng áp dụng từ năm 2013 theo nghị định 66/2013; đến 1/5/2016 tăng lên 1,21 triệu đồng/tháng, áp dụng từ 1/5/2016 theo nghị định 47/2016, và đến 1/7/2017 tăng lên 1.3 triệu/ tháng theo nghị định 47/2017. Lương chuyên viên cao nhất so với lương chuyên viên thấp nhất ở VN gấp 4 lần, so với 3 lần ở Liên Hợp Quốc cũng nên xem xét để nâng lương cơ bản khởi sự cho chuyên viên.

<sup>2</sup> [Tỷ lệ học sinh trên một giáo viên ở tiểu học](#) là 20 (Niên giám Thống kê 2015, TCTK), thấp hơn nhiều so với các nước nghèo khác nhưng vẫn còn cao hơn tỷ lệ trung bình ở châu Âu (13) và ở các nước khác ở châu Á như Mã Lai (12.7), Thái Lan và Indonesia (16), Trung Quốc (16). Dù không phải là yếu tố duy nhất, tỷ lệ học sinh trên một giáo viên thấp sẽ đóng góp vào chất lượng giáo dục.

(kể cả tiền hưu trí) cao hơn khu vực công chức là 70%. Không chỉ thế, nhiều khu đất quân sự (như trong Thành Hà Nội và Tân Sơn Nhất) cũng được tư nhân hóa và phân chia cho sĩ quan. Lương cao và quyền lực sau này, và ngay cả khi được nhận vào trường đại học an ninh được trả lương thiếu úy, là lý do học sinh đua nhau thi vào Đại học an ninh, và điểm chuẩn tương đương với Y và Bách Khoa.<sup>3</sup> Chính vì thế tuy số lượng nhân sự chỉ bằng dưới một nửa lĩnh vực giáo dục nhưng chi tiêu rất nhiều, chiếm tới 21% tổng chi ngân sách, trong đó chi cho ngành công an chiếm tới 12% ngân sách), vượt xa chi cho quốc phòng (9% ngân sách). Nếu tính theo tỷ lệ ngân sách thường xuyên, chi thường xuyên cho quốc phòng và công an lên đến 32% ngân sách thường xuyên. Cộng thêm chi cho lực lượng về hưu, số chi có thể lên cao hơn nhiều.

Những kết luận của bài viết gợi mở một số giải pháp nhằm góp phần khắc phục tình trạng chi thường xuyên cao và liên tục tăng hiện nay. Trong đó một vài kết luận có thể cần được chuẩn hóa thêm trên cơ sở kiểm chứng tính chính xác của số liệu đã được tìm tòi và phân tích trong bài. Tác giả đã cố gắng khách quan, dùng phương pháp tin cậy nhất có thể, tức là sử dụng số liệu quyết toán chính thức Bộ Tài chính công bố trên trang mạng của Bộ. Tuy nhiên do số quyết toán nêu trên chỉ có số tổng hợp, thiếu hầu hết chi tiết nên tác giả đã phải ước tính, cụ thể là chi tiêu cho quốc phòng và an ninh. Những chi tiêu này có ảnh hưởng lớn đến kinh tế và không nên coi là bí mật quốc gia. Chỉ nên coi bí mật quốc gia những gì liên quan đến các chương trình chi tiêu cụ thể có tính chiến lược. Như sẽ trình bày kỹ hơn trong bài, ngay những chi phí về các vũ khí chiến lược của VN trong thời gian qua cũng không thể giấu được các cơ quan theo dõi quốc tế.

Có thể nói mặc dầu là ước tính, tổng chi ngân sách cho quốc phòng và an ninh trong bài là khá chắc chắn, tuy vậy việc phân chia ra phần chi cho quốc phòng và phần chi cho an ninh chưa thật vững chắc. Vì vậy, kết luận của bài viết này cần được xem xét lại, tốt nhất là Quốc hội nên chính thức thành lập một ủy ban giám sát tối cao vấn đề này bao gồm chuyên gia của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch Đầu tư trong đó có Tổng cục Thống kê, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an với vai trò điều phối của Ủy ban Tài chính – Ngân sách của Quốc hội. Chính Hiến Pháp ở điều 69 qui định là Quốc hội có quyền “*quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước*”.

Bài viết sẽ trình bày từng vấn đề cùng với nhận xét và khuyến nghị về chính sách.

---

<sup>3</sup> <http://news.zing.vn/bao-nhieu-diem-do-dai-hoc-an-ninh-nhan-dan-post668390.html>.

## 1. Thực trạng ngân sách chi và bội chi

Chi ngân sách vẫn vào khoảng trên dưới 30% GDP, và tỷ lệ bội chi tăng giao động ở mức cao, trên 6% GDP (xem Biểu 1 và Hình 1).

**Biểu 1. Số liệu quyết toán chi và bội chi ngân sách, tỷ đồng**

	2009	2010	2011	2012	2013	2014
1. Quyết toán chi theo dự toán quốc hội	561,273	648,833	787,554	978,463	1,088,153	1,103,983
2. Quyết toán thu ngân sách	454,786	588,428	721,804	734,883	828,348	877,697
3. Bội chi ngân sách	106,487	60,405	65,750	243,580	259,805	226,286
4. GDP	1,809,149	2,157,828	2,779,880	3,245,419	3,584,262	3,937,856
5. Tỷ lệ chi trên GDP (%1/3)	31%	30%	28%	30%	30%	28%
6. Tỷ lệ thu trên GDP (%2/3)	25%	27%	26%	23%	23%	22%
7. Chi cho đầu tư	181,363	183,166	208,306	268,812	271,680	248,452
8. Chi trả nợ và viện trợ	74,328	88,772	111,943	105,838	112,055	131,940
9. Chi thường xuyên	305,335	376,620	467,017	603,372	704,165	723,292
10. Tỷ lệ chi đầu tư/Chi NS (%6/1)	32.3%	28.2%	26.4%	27.5%	25.0%	22.5%
11. Tỷ lệ chi trả nợ và viện trợ/Chi NS (%7/1)	13.2%	13.7%	14.2%	10.8%	10.3%	12.0%
12. Tỷ lệ chi thường xuyên/Chi NS (%9/1)	54.4%	58.1%	59.3%	61.7%	64.7%	65.5%
13. Tỷ lệ bội chi trên GDP (%3/4)	6.9%	5.5%	4.4%	5.4%	6.6%	6.3%

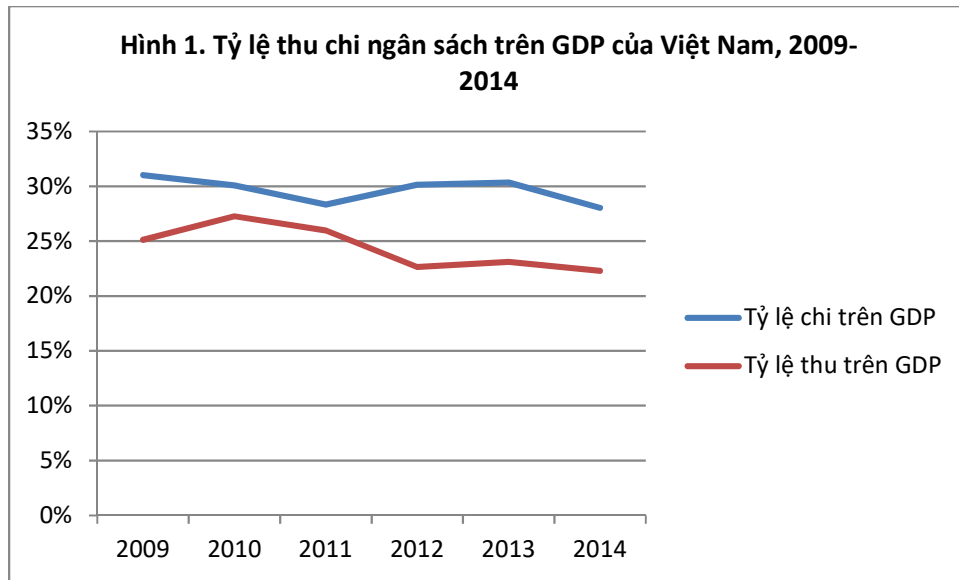
Nguồn: Bộ Tài chính, Quyết toán Ngân sách các năm.

Tỷ lệ bội chi ngân sách hai năm 2013-2014 tăng trở lại vì tỷ lệ thu ngân sách trên GDP giảm do tốc độ tăng GDP giảm, từ 25% (năm 2009) xuống 22% (năm 2014), nhưng tỷ lệ chi trên GDP giảm ít hơn, năm 2014 ở mức 28%. Đặc biệt nghiêm trọng là chi thường xuyên, thường khó giảm hơn, chiếm tỷ lệ lớn trong ngân sách và tăng mạnh, từ 54.4% năm 2009 lên 65.5% năm 2014. Phần này chỉ dựa vào quyết toán chi theo dự toán của Quốc hội là 28% nhưng nếu tính cả phần đã xuất quỹ, chuyển sang năm sau để quyết toán<sup>4</sup> thì tổng chi sẽ cao hơn, lên tới 34% GDP. Có thể nói, tỷ lệ chi ngân sách trên GDP ở Việt Nam thuộc loại cao so với các nước trong khu vực. Năm 2015, [Tỷ lệ chi trên GDP](#)<sup>5</sup> ở Trung Quốc là 26% GDP, ở Mỹ là 35.5%<sup>6</sup>, ở [Singapore \(chỉ có một cấp chính quyền\)](#) là 14.9%, Bangladesh là 13.7%, Indonesia ước tính là 21.7% (cộng trung ương là 15.6% và địa phương là 6.8%, chưa điều chỉnh loại bỏ phần trung ương bổ xuống địa phương).

<sup>4</sup> Cách xử lý này là điều khó hiểu trong nguyên tắc làm kế toán. Người ta chỉ chi khi có hóa đơn. Và khi nhận được hóa đơn, thì coi như là chi và phải ghi là chi. Phần chưa trả được coi như là nợ. Sẽ không có chuyện xuất quỹ khi không có hóa đơn.

<sup>5</sup> Coi bảng 8.4. Nguồn thông tin của các tổ chức quốc tế khá phức tạp vì như OECD, chính phủ nói chung (general government) bao gồm cả chính phủ trung ương lẫn địa phương, nhưng nguồn thông tin của ADB và nhiều nguồn thông tin khác thì lẫn lộn, không phân biệt rõ ràng nước có số liệu chính phủ nói chung, và nước chỉ công bố ngân sách chính phủ trung ương. Riêng chi ngân sách ở TQ và VN bao gồm cả trung ương lẫn địa phương, còn Singapore chỉ có một cấp chính phủ. Để so sánh, tác giả cộng thêm chi của chính quyền địa phương cho trường hợp Indonesia. Tuy nhiên cách ước tính này không khừ được phần chính quyền trung ương chuyển cho địa phương chi.

<sup>6</sup> Năm 2015, tổng chi cả liên bang và địa phương là 6.4 ngàn tỷ (có điều chỉnh loại bỏ phần chi của liên bang bổ xuống địa phương) so với GDP là 18.036 ngàn tỷ, tức là 35.5% GDP. Tỷ lệ này theo báo cáo của OECD là [37.7%](#). Số của OECD có thể chưa được điều chỉnh hay cập nhật lại, ít chính xác hơn.



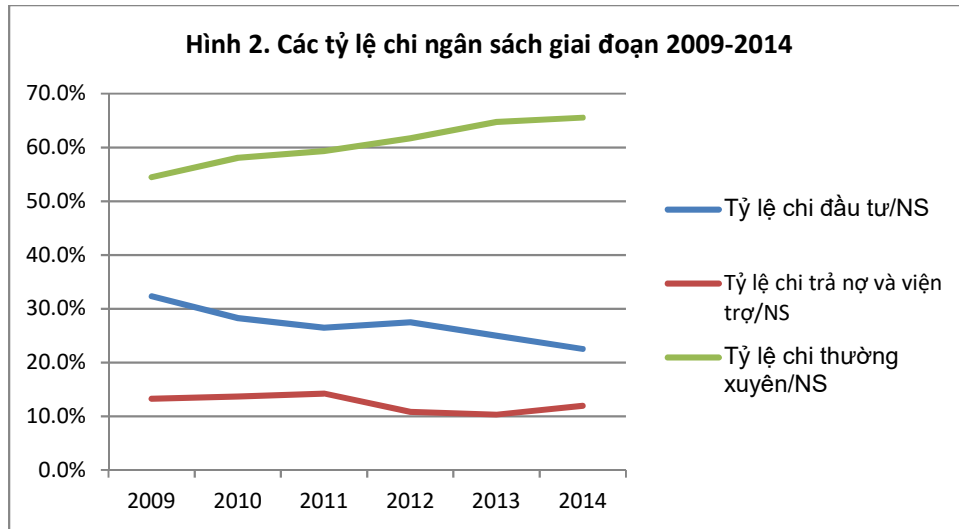
Nguồn: Bộ Tài chính, Quyết toán Ngân sách các năm.

## 2. Nguyên nhân và kết quả của chi khủng và bội chi

Như ta biết, bội chi dẫn đến nợ. Nợ chính phủ chồng chất, hiện đã xấp xỉ trần 65% GDP do Quốc hội đề ra. Đấy chỉ là nợ chính phủ. Nếu tính nợ công bao gồm cả nợ của khu vực doanh nghiệp nhà nước thì tình hình bi đát hơn nhiều. Tổng nợ công năm 2016 đã lên tới 431 tỷ US, gấp hơn 210% GDP (là 205.2 tỷ US). Nếu cộng thêm nợ của tư nhân thì số nợ của nền kinh tế có lẽ xấp xỉ 250% GDP<sup>7</sup> và thuộc loại cao nhất thế giới. Nợ cao sẽ tạo áp lực trả nợ rất lớn và đến lúc nào đó không thể vay mượn để chi và trả nợ, kinh tế sẽ rơi vào khủng hoảng. Với mức nợ trên 200% GDP, với mức lãi suất năm 9-10% như hiện nay và lạm phát 4% năm thì GDP phải tăng ít nhất 10% mới đủ để trả lãi. Đây là điều bất khả thi trong tình hình hiện nay ở Việt Nam. Càng không thể giải quyết nợ bằng cách in tiền để trả nợ vì như vậy sẽ làm tăng lạm phát, làm mất giá tiền đồng, đưa đến bất ổn xã hội.

***Bội chi ngân sách tăng là do chi tăng trong khi tỷ lệ thu ngân sách trên GDP giảm. Chi ngân sách tăng lớn là do chi thường xuyên lớn và tăng mạnh, không phải là do chi đầu tư hay trả nợ tăng, thậm chí từ 2009 đến 2014 những khoản này giảm so với chi thường xuyên (xem Biểu 1 và Hình 2). Câu hỏi đặt ra là tại sao chi thường xuyên lớn và tăng mạnh từ 54.4% năm 2009 lên 65.5% năm 2014?***

<sup>7</sup> Vũ Quang Việt, Nợ trả nợ và khủng hoảng, <http://www.thesaigontimes.vn/156693/No-tra-no-va-khung-hoang.html>.



Nguồn: Bộ Tài chính, Quyết toán Ngân sách các năm.

### 3. Tại sao chi thường xuyên tăng mạnh?

Để phân tích chi thường xuyên, cần xem xét số lao động trong khu vực ngân sách phải chi trả. Sau đó sẽ xem xét đến lương.

#### 3.1. Lao động dịch vụ nhà nước tiếp tục tăng mạnh

Khu vực lao động mà ngân sách nhà nước phải chi lương bao gồm **công chức** (gọi chung cho lao động quản lý hành chính nhà nước, đảng, an ninh quốc phòng và **viên chức** liên quan đến các hoạt động cung cấp dịch vụ công như giáo dục, y tế, ...

Lao động dịch vụ nhà nước bao gồm cả công chức lẫn viên chức.

Số liệu lao động dịch vụ nhà nước được tính bằng cách lấy số lao động trong khu vực kinh tế nhà nước trừ đi số lao động trong DNNN. Số viên chức hoạt động trong lĩnh vực sự nghiệp công (như giáo dục, y tế,...), hay viên chức, được tính bằng cách lấy số lao động dịch vụ nhà nước trừ đi số công chức.

Biểu 2 cho thấy số công chức chỉ giảm được rất ít trong năm 2011 rồi lại tiếp tục tăng trở lại. Số viên chức hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, v.v. còn tăng mạnh hơn, nhưng khó giải thích được lý do tại sao lao động viên chức giảm khá mạnh năm 2013 rồi lại tăng mạnh trở lại. Nói chung, khó giảm số viên chức giáo dục khi số lượng trẻ em ở độ tuổi đến trường vẫn tiếp tục tăng.

**Biểu 2. Lao động trong khu vực kinh tế nhà nước (ngàn người)**

	Kinh tế NN	DNNN	Dịch vụ nhà nước bao gồm gồm công chức và viên chức	Công chức (hành chính, ANQP)	Viên chức (giáo dục, y tế...)	Tỷ lệ tăng/giảm dịch vụ nhà nước	Tỷ lệ tăng/giảm công chức	Tỷ lệ tăng/giảm viên chức
	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2010	5,107	1,692	3,416	1,570	1,846			
2011	5,251	1,664	3,586	1,542	2,044	5.0%	-1.7%	10.7%
2012	5,354	1,606	3,747	1,583	2,165	4.5%	2.6%	5.9%
2013	5,330	1,660	3,670	1,631	2,039	-2.1%	3.1%	-5.8%
2014	5,474	1,538	3,936	1,697	2,239	7.2%	4.1%	9.8%

**Nguồn:** Niên giám Thống kê 2015, Biểu 49 và biểu 112. **Ghi chú:** Tỷ lệ tăng/giảm tính so với năm trước.

Nói chung, số công chức tiếp tục tăng dù đã có nhiều nghị quyết cắt giảm, đặc biệt là công chức làm hành chính và hoạt động quốc phòng, an ninh, và đoàn thể và cán bộ không chuyên trách ở địa phương. Có thể số công chức hành chính không tăng, mà là tăng số lao động an ninh (công an) và quốc phòng. Đây chỉ là suy đoán, chưa thể kết luận vì số liệu không được công bố. Tuy vậy, có thể phân tích chi thường xuyên cho an ninh và quốc phòng với độ tin cậy cao. Cụ thể, chi thường xuyên năm 2014 cho an ninh và quốc phòng chiếm tỷ lệ tổng chi ngân sách rất lớn (22%), vượt xa tỷ lệ chi cho giáo dục-đào tạo (16%), trong đó chi cho an ninh vượt xa chi cho quốc phòng (sẽ bàn thêm ở phần sau).

### 3.2. Lương công chức nhà nước không hề thấp và tiếp tục tăng

Ở đây có hai vấn đề cần xem xét: Lương công chức ở Việt Nam thấp hay cao? Và lương đang tăng hay giảm?

Trong nghiên cứu này về Việt Nam, lương được hiểu là thu nhập do ngân sách chi trả, bao gồm lương cơ bản, phụ cấp chức vụ và phụ cấp khác, và chưa bao gồm các khoản phụ thu do cơ quan thu được và không đưa vào ngân sách nhà nước<sup>8</sup> rồi đem chia cho mọi người. Tất nhiên, không bao gồm các khoản thu nhập mang tính tham nhũng, như thu thêm của người bệnh, học sinh, lái xe... mà không hạch toán vào ngân sách nhà nước.

Chi tiết về nguyên tắc tính lương và tình trạng lương hiện xem Phục lục 1. Lương cơ bản có nhiều ngạch, mỗi ngạch có hệ số lương từ 1 đến 13 tùy theo năm công tác. Hệ số 1 là lương cơ sở. Lương cơ bản là hệ số nhân với lương cơ sở. Ngoài hệ số lương theo ngạch công chức, chức vụ quản lý như trưởng phòng, vụ trưởng, thứ trưởng, tiểu đoàn

<sup>8</sup>Như cho thuê tài sản, mặt bằng, nhà xưởng, đất đai của cơ quan (như đất Sân bay Tân Sơn Nhất cho thuê làm sân Golf, nhà hàng khách sạn ...)

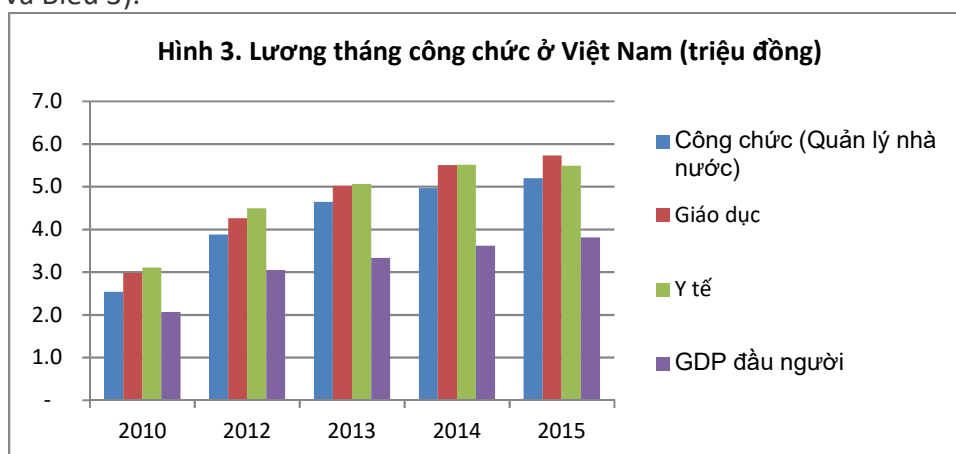
trường,... còn được cộng thêm phụ cấp chức vụ với hệ số từ 0.4 đến 1.5. Công việc khó khăn hoặc nguy hiểm cũng được cộng thêm phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm tính theo phần trăm lương. Từ 2013 đến tháng 4/2015, lương cơ sở (hệ số 1) là 1.15 triệu/tháng, từ tháng 5/2015) tăng lên 1.21 triệu, từ tháng 7/2017 tăng lên 1.30 triệu. Như vậy so với trước 4/2015, lương tăng 13%, đợt đầu tăng 5.2%, đợt mới đây tăng 7.4%. Vì được xây dựng trên hệ số lương cơ sở, lương công chức và viên chức tăng đồng loạt một cách đại trà theo lương cơ sở.

Ở Việt Nam, lương chủ tịch nước là 17 triệu/tháng (\$770), lương giáo sư cấp cao 12 triệu/tháng (\$545) hay lương trung bình của một giáo viên đại học ở một trường thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh là 6.5 triệu tháng (\$295, coi Hộp 2), khi so với lương nước khác thì quá thấp, nhưng so với mặt bằng lương ở Việt Nam, thể hiện qua GDP bình quân đầu người 3.8 triệu/tháng (năm 2015) và 4.0 triệu (năm 2016) thì không phải là thấp, và ngày càng được nâng cao.

Ở Trung quốc, lương chủ tịch nước Tập Cận Bình là \$1,800/tháng chỉ bằng 3 lần GDP bình quân ở Trung quốc như thế là tương đối thấp hơn lương chủ tịch nước Việt Nam có lương gấp 4.4 lần GDP bình quân đầu người ở Việt Nam.

Nếu tính dựa vào mặt bằng chung của nền kinh tế, tức là GDP đầu người, thì lương công chức ở Việt Nam và Trung Quốc cũng cao hơn GDP đầu người gần 40% (xem Biểu 3). Ở Mỹ cũng vậy lương công chức liên bang bình quân cao hơn GDP bình quân là 38% ([\\$71.2 ngàn so với \\$51.4 ngàn năm 2012](#)).

Theo thời gian, lương công chức cả hai nước, Việt Nam và Trung quốc, so với bình quân chung cả nước đã cải thiện hơn nhiều so với trước đây. Trước đây vào năm 2010 lương công chức chỉ cao hơn mặt bằng chung cả nước là 23%, hiện nay đã cao hơn 37% (xem Hình 3 và Biểu 3).



Tính theo tỷ giá ngoại tệ USD, vào năm 2015, lương bình quân cán bộ Trung quốc là 874 USD/tháng, ở Việt Nam là 245.7 USD/tháng. Như vậy, lương ở Trung quốc cao hơn Việt



Nam là 3.5 lần. Tuy nhiên đo bằng sức mua tương đương,<sup>9</sup> do giá cả ở VN rẻ hơn Việt Nam 1.6 lần so với Trung quốc nên lương công chức ở VN tương đương với \$393 ở Trung quốc và lương ở Trung quốc chỉ còn gấp Việt Nam 1.7 lần, thay vì 3.5 lần.

Và câu hỏi cuối cùng là liệu lương của VN như thế có đủ sống không? Theo quyết định mới nhất của nhà nước, [lương tối thiểu cho lao động không chuyên môn trong doanh nghiệp](#) thành phố vùng I như Hà Nội và TPHCM là 3.7 triệu/tháng . Như thế, đây là mức lương mà Chính phủ cho là có thể sống được.

**Biểu 3. So sánh lương công chức Việt Nam và Trung Quốc**

Việt Nam	Công chức (Quản lý nhà nước)	Giáo dục	Y tế	GDP đầu người	Công chức (Quản lý nhà nước) (US)	Tỷ lệ lương công chức trên GDP đầu người
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5) =(1)/hối suất	(6)=(1)/(4)
Lương tháng (triệu đồng)						USD
2010	2.5	3.0	3.1	2.1	136.2	1.23
2012	3.9	4.3	4.5	3.0	189.2	1.27
2013	4.6	5.0	5.1	3.3	223.0	1.40
2014	5.0	5.5	5.5	3.6	237.2	1.37
2015	5.2	5.7	5.5	3.8	245.9	1.37
Tỷ lệ lương trên GDP đầu người						
2010	1.23	1.44	1.50			
2012	1.27	1.40	1.47			
2013	1.40	1.51	1.52			
2014	1.37	1.52	1.52			
2015	1.37	1.50	1.44			
Trung Quốc	Lương tháng cán bộ nhà nước		GDP bình quân đầu người		Tỷ lệ	
	Yuan	USD	Yuan	USD		
2005	1,582	193	1,208	147	1.31	
2015	5,441	874	4,208	676	1.29	
2016	6,295	944	4,486	673	1.40	

**Nguồn:** Niên giám Thống kê 2015, Việt Nam. [China Statistical Yearbook](#) 2016, Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc. Số liệu 2016 do Cục Thống kê cung cấp riêng cho tác giả. Hối suất: [Liên Hiệp Quốc](#).

<sup>9</sup> Dựa vào thống kê GDP 2015 bằng đồng US tính theo sức mua và theo giá trị trường của [World Bank](#).

	Giá thị trường	Sức mua	Tỷ lệ sức mua
Việt Nam	2,107	6,034	2.9
Trung quốc	8,069	14,448	1.8

Theo sức mua tương đương, một đồng Mỹ có thể mua gấp 1.6 lần ở Việt Nam so với ở Trung quốc.

Lương công chức bình quân năm 2016 là 5.2 triệu/tháng và sẽ tăng lên gần 6 triệu/tháng, tất nhiên là sống được, dù không dư dả. Theo loạt bài trên [báo Thanh Niên](#) có người trả lương 5 triệu/tháng vẫn để dành được 2 triệu vì thuê nhà sống chung và ăn uống tối thiểu. Nếu chi tiêu tương đối thoải mái theo thông tin mà tác giả thu lượm được từ bạn bè, lương cần có là 5-6 triệu/tháng (1.5-2 triệu thuê nhà khoảng 20m<sup>2</sup>, 1.5 triệu tiền ăn, 2 triệu để chi tiêu khác). Một gia đình có 1 con nhỏ thì lương tối thiểu hai người cộng lại phải là 6-7 triệu/tháng. Để mua nhà, một số người Việt trẻ thường phải nhờ vào [tiền mừng đám cưới](#) của gia đình và bạn bè, nếu may mắn thu được 100-200 triệu sau khi trừ chi phí, giúp vào tiền vốn để vay tiền ngân hàng mua nhà.

*Có thể còn thấy nhiều bất hợp lý trong chính sách lương, như lương công chức tối thiểu là 1.7 triệu/tháng theo hệ số 1 bảng lương mới áp dụng từ tháng 7 năm 2017, thấp hơn cả [lương tối thiểu khu vực doanh nghiệp là 3.7 triệu/tháng](#). Thay vì tập trung giải quyết lương cấp dưới quá thấp thì chính sách vừa qua lại tăng lương đại trà lên thêm 7.4%. Cùng thời gian trên, việc tăng lương tối thiểu trong doanh nghiệp 12% thí dụ ở vùng I từ 3.1/tháng lên 3.75/tháng (ở vùng I), tạo thêm sự khập khiễng bất lợi cho công chức so với doanh nghiệp.*

*Tuy vậy, có thể kết luận ở phần này là lương công chức bình quân ở Việt Nam cao hơn khoảng gần 40% so với mặt bằng chung của nền kinh tế, tương đương với Trung quốc, và Mỹ. Ngoài ra, lương được cải thiện đáng kể những năm gần đây, đã tăng từ 1.23 lần lên gần 1.40 lần GDP bình quân đầu người. Từ 1/ tháng 7 năm 2017, lương sẽ tăng thêm nữa, như thế rõ ràng là có cải thiện. Nhưng nếu theo chính sách tăng lương đại trà như hiện nay trong khi biên chế tiếp tục tăng, chi sẽ tăng, bội chi sẽ tăng, và nợ cũng sẽ tăng. Nếu giải quyết bằng in tiền, lạm phát sẽ tăng và lương thực tế sẽ giảm.*

*Phân tích cụ thể về lương ở đại học Quốc gia TPHCM, có thể thấy lương giáo viên đại học nói chung cao hơn GDP bình quân đầu người là 67%, khá tương đương với Mỹ (62% - xem Phụ lục 2). Nhưng phải nói dù lương như thế so với mặt bằng chung của nền kinh tế là phù hợp, mức lương đó không có sức cạnh tranh, không thể lôi kéo người giỏi về nước. Ở Trung Quốc, thay vì tăng lương đại trà như Việt Nam, họ đã tập trung vào một vài đại học ưu tú, trả lương cao theo giá thị trường khoảng 50 ngàn USD hay hơn một năm (không phải theo sức mua tương đương), tức là tương đương với lương giáo sư Mỹ (xem Phụ lục 2 về phân tích cụ thể lương giáo sư đại học ở TPHCM và Thượng Hải).*

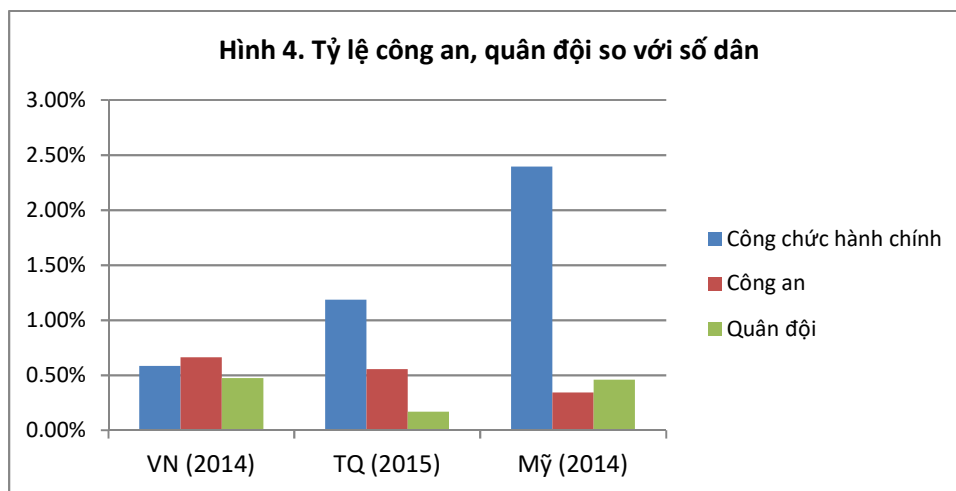
### 3.3. Chi tiêu cho quân đội và đặc biệt là công an quá lớn

Số công an ở Việt Nam lên tới 600 ngàn so với số quân nhân là 430 ngàn. Phương pháp tính số công an đã được trình bày ở bài trước<sup>10</sup> nên chỉ nói qua ở đây là số lượng bộ đội dựa vào ước của Cục Tình báo Mỹ (CIA), còn số lượng công an được tính như sau:

**Công an thuộc Bộ Công an:** Biên chế là 300 ngàn công an ở cấp huyện trở lên, trực thuộc Bộ Công an. Con số này xem ra đáng tin cậy khi kiểm chứng bằng tỷ lệ tướng trên quân. Dựa vào số tướng tướng quân đội được luật cho phép là 415 người (nhưng đã vượt trần, lên đến 489 người)<sup>11</sup> thì cứ 1012 quân có một tướng, như vậy với số tướng công an hiện có là 300 người<sup>12</sup> quân số công an lên tới hơn 300 ngàn.

**Công an xã, không thuộc Bộ Công an:** Theo Điều 10, Pháp lệnh về Công an xã của Quốc hội (số 06/2008/PL-UBTVQH12, 2008,<sup>13</sup> chính phủ qui định khung số công an nhưng Hội đồng nhân dân tỉnh và thành phố quyết định số công an ở địa phương, Chủ tịch ủy ban nhân dân xã bổ nhiệm công an chứ không phải Bộ Công an. Theo Nghị định Chính phủ Số: 73/2009/NĐ-CP, 2009),<sup>14</sup> mỗi xã ở cấp xã có ít nhất 5 công an viên (1 trưởng, 1 phó, 3 công an viên tại trụ sở), ngoài ra còn có 2 công an viên tại mỗi thôn, hay tổ dân số). Dựa vào chi tiết trên, số công an ở cấp xã, phường trở xuống được ước lượng là 296,000.

Số lượng công an ở Việt Nam bằng 0.6% dân số, cao hơn tỷ lệ dân số ở Trung Quốc (0.55%), nhưng gần gấp đôi Mỹ (0.34%). Tỷ số bộ đội trên dân số là 0.47% bằng với Mỹ, và gấp hơn 2 lần Trung Quốc (xem Hình 4 và Biểu 4).



Nguồn: xem biểu 4.

Chi cho an ninh quốc phòng trong đó có bộ đội và công an do đó rất lớn. Khoản chi này được tính gần như trực tiếp từ số liệu quyết toán ngân sách của Bộ Tài chính nên có thể nói là đáng tin cậy (phương pháp tính được trình bày trong Biểu 6, và số liệu được trình bày tuần tự theo phương pháp tính). Cách tính gián tiếp này có thể tóm tắt như sau: Lấy

<sup>10</sup> [http://www.tapchithoidai.org/ThoiDai35/201635\\_VuQuangViet.pdf](http://www.tapchithoidai.org/ThoiDai35/201635_VuQuangViet.pdf)

<sup>11</sup> <https://www.tindachieu.com/news/2015/11/so-luong-tuong-trong-quan-voi-vn-nhieu-hon-ca-trung-quoc.html>.

<sup>12</sup> [http://www.bbc.com/vietnamese/vietnam/2016/01/160110\\_new\\_police\\_generals](http://www.bbc.com/vietnamese/vietnam/2016/01/160110_new_police_generals).

<sup>13</sup> [http://www.moj.gov.vn/vbpg/lists/vn%20bn%20php%20lut/view\\_detail.aspx?itemid=12707](http://www.moj.gov.vn/vbpg/lists/vn%20bn%20php%20lut/view_detail.aspx?itemid=12707).

<sup>14</sup> [http://moj.gov.vn/vbpg/lists/vn%20bn%20php%20lut/view\\_detail.aspx?itemid=23694](http://moj.gov.vn/vbpg/lists/vn%20bn%20php%20lut/view_detail.aspx?itemid=23694).

tổng chi thường xuyên trừ đi các khoản chi thường xuyên lớn cho giáo dục, y tế; khoa học; trả nợ và viện trợ; chi lương và bảo hiểm xã hội cho cán bộ hưu trí và người có công với cách mạng, chi cho chương trình mục tiêu, chi trợ giá, chi thường xuyên cho quản lý nhà nước, phần còn lại phải là chi cho an ninh và quốc phòng. Đây là những thông tin có sẵn trong báo cáo quyết toán, riêng đối với y tế phải cộng thêm chi từ địa phương vào chi của trung ương (số liệu này là từ Niên giám Thống kê Y tế 2014). Kết quả: Tổng số chi cho an ninh quốc phòng năm 2014 là 234.1 ngàn tỷ đồng, tương đương 10.9 tỷ USD bằng 21% tổng chi ngân sách (là 52 tỷ USD) và 32% chi thường xuyên. Nếu kể thêm chi cho bộ đội và công an về hưu cũng như bảo hiểm xã hội, chi có thể còn chiếm tỷ lệ cao hơn nhiều trong tổng chi thường xuyên trong ngân sách. Như đã nói, số tính toán gián tiếp này có độ tin cậy rất cao (xem Hình 5).

Khó khăn còn lại là phân bổ ra cho quốc phòng và cho công an sao cho chính xác.

Năm 2014, chi phí cho công an được ước tính là 6.4 tỷ USD, vượt xa chi phí cho quân đội được ước tính là 4.5 tỷ USD (coi kết quả tóm tắt ở Biểu 5, và coi chi tiết phương pháp tính ở Biểu 6).

Ước lượng chi cho quân đội dựa vào quân số (430 ngàn người) lương bình quân là 6 triệu đồng/tháng, từ đó ước lượng các chi khác dựa vào tỷ lệ lương trên tổng chi phí là 0.559 (theo bảng IO 2012 của Tổng cục Thống kê). Con số ước lượng chi 4.5 tỷ US cho quân đội, gần tương đương với số ước lượng 4.3 tỷ USD của [Viện Nghiên cứu Hòa bình SIRIPI ở Thụy Điển](#). Giả thiết lương bình quân trong quân đội ở đây cao hơn khu vực hành chính, an ninh quốc phòng nói chung là 20%. Điều này hợp lý, dù có thể hơi cao, vì lương một đại úy đã cao bằng lương giảng viên sư đại học hệ số 3 (xem Phụ lục 1).

Chi cho công an như vậy chiếm 12% ngân sách, so với quân đội 9% ngân sách. Chi cho công an chỉ thấp hơn chi cho giáo dục, một chi phí bắt buộc nếu như nền giáo dục được coi là cưỡng bách. Nếu so với Mỹ (tính cả liên bang và bang), chi cho cảnh sát chỉ chiếm 2% ngân sách thì chi cho công an ở Việt Nam là quá lớn. Còn chi cho quốc phòng (9%) cũng như Việt Nam.

***Có thể kết luận là chi phí cho lực lượng quân đội và công an rất lớn, do đó sẽ tạo áp lực mạnh vào khoản chi tiêu khác cho xã hội. Lực lượng quân đội là cần thiết để bảo vệ an ninh quốc gia, nhưng cũng cần đặt lại trong hoàn cảnh phải đối phó với Trung Quốc hiện nay. Hướng chiến tranh nếu có với TQ sẽ ở biên giới phía bắc và đặc biệt là trên biển. Lực lượng bộ binh sẽ cần ít hơn trước đây trong khi chi phí bảo vệ biển sẽ cao hơn hiện nay rất nhiều. Đánh giá đúng về chiến lược sẽ đưa đến việc sử dụng sức người và sức của đúng đắn.***

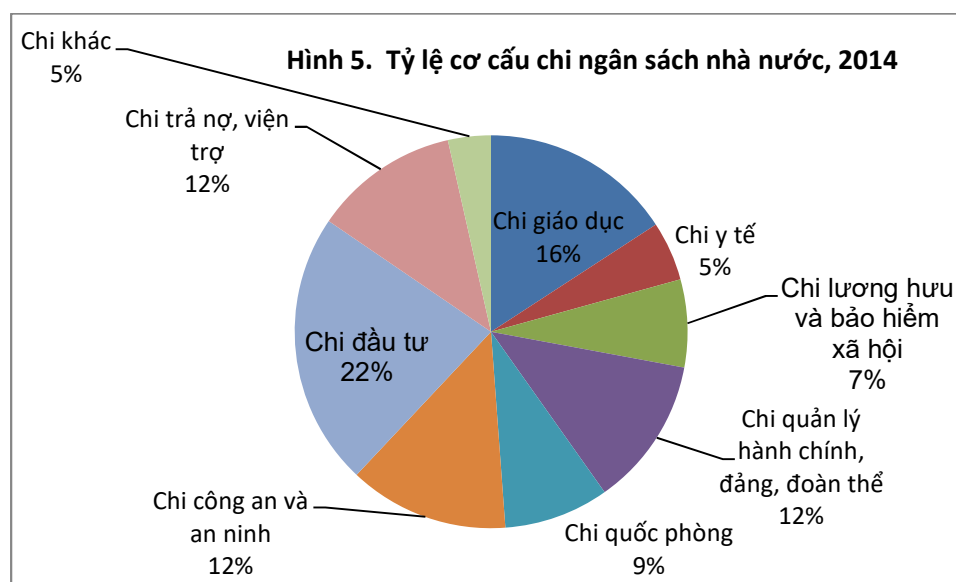
***Quân số công an rất lớn hiện nay, ngoài hoạt động thuần túy giữ gìn trật tự xã hội còn tham gia vào rất nhiều các hoạt động mà ở nước khác được coi là hoạt động dân sự như đăng ký hộ khẩu, xin chứng nhận hạnh kiểm, cấp hộ chiếu phổ thông, đăng ký ô tô, xe máy, v.v. Tuy nhiên, kết hợp các hoạt động hành chính có thể đưa đến tham***

*những và các hoạt động mang tính trấn áp bảo vệ chế độ, tạo cơ sở cho lạm dụng quyền lực để tham nhũng, đã là nguyên nhân đưa đến bất mãn cao trong xã hội hiện nay. Lực lượng công an to lớn có thể đang là lực lượng làm bất ổn xã hội, ngày càng làm mất niềm tin vào chế độ chính trị.*

**Biểu 4. Số lao động trong công an và quân đội, so với dân số, 2014 (ngàn người)**

	VN (2014)	TQ (2015)	Mỹ (2014)
Công chức hành chính	530	16,244	7642
Công an	600	7,600	1,090
Bộ đội	430	2,285	1,459
Dân số	90,730	1,371,000	319,000
Công chức hành chính	0.58%	1.18%	2.40%
Công an	0.66%	0.55%	0.34%
Bộ đội	0.47%	0.17%	0.46%

*Nguồn: Việt Nam: Coi bài của tác giả đã dẫn về Mỹ và VN. Về TQ, công chức hành chính từ Niên giám Thống kê TQ; công an và quân đội theo ước lượng của nước ngoài.*



**Biểu 5: Một số khoản chi quan trọng trong quyết toán ngân sách 2014, tỷ đồng (coi chi tiết ở Phụ lục 3)**

	Tỷ đồng	USD	Tỷ lệ ngân sách	Tỷ lệ GDP	Tỷ lệ chi ngân sách của Mỹ
Chi ngân sách	1,103,983	52.2	100%	28.0%	100%
Chi giáo dục	174,777	8.3	16%	4.4%	13%
Chi y tế	53,800	2.5	5%	1.4%	
Chi lương hưu và bảo hiểm xã hội	79,878	3.8	7%	2.0%	
Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	135,267	6.4	12%	3.4%	
Chi quốc phòng	95,558	4.5	9%	2.4%	9%

Chi công an và an ninh	134,522	6.4	12%	3.4%	2%
Chi đầu tư	248,452	11.7	23%	6.3%	
Chi trả nợ, viện trợ	131,940	6.2	12%	3.4%	
Chi khác	49,790	2.4	5%	1.3%	

Chú thích: Chi cho quốc phòng, và an ninh, cũng như chi khác chỉ bao gồm chi thường xuyên, không bao gồm chi đầu tư.

## 4. Lương trong doanh nghiệp nhà nước và lương lãnh đạo chính trị: một vấn đề không thể bỏ qua

DNNN là khu vực được coi là “nòng cốt”, thực hiện “vai trò chủ đạo” của “nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” ở Việt Nam. Vì được ưu đãi vay mượn nên nợ của khu vực này theo ước tính của tác giả lên đến 324.4 triệu USD năm 2016,<sup>15</sup> bằng 158% GDP, trong khi đó tỷ lệ sinh lợi rất thấp, nhiều tập đoàn lớn đã phá sản hoặc trên đà phá sản.

Nợ xấu hiện nay chủ yếu là do khu vực này mất khả năng trả nợ, đã không thể giải quyết được vì đó là khu vực được ưu tiên nên luôn luôn được vay lại để trả nợ.

Thế nhưng vì được ưu đãi, nên lương của khu vực doanh nghiệp này gần như không bị kiểm soát.

Và khu vực này đang trở thành lãnh địa của nhóm lợi ích, kết nối chặt chẽ và rộng rãi giữa lãnh đạo chính trị, lãnh đạo DNNN cũng như DN tư nhân là sân sau của họ. Lương lãnh đạo nhiều tập đoàn cực cao, năm 2015 lên tới 600-800 triệu một năm (30-40 ngàn USD một năm), gấp 40-50 lần lương tối thiểu nhà nước qui định cho doanh nghiệp một năm là 15.6 triệu (1.3 triệu/tháng trước năm 2017). Có lẽ lương lãnh đạo DNNN đều cao thế cả. Theo thông tin trên báo nhà nước, lương bình quân của nhân viên Tập đoàn Viettel thuộc quân đội năm 2016 là 30 triệu/tháng<sup>16</sup>, gần hai lần lương Chủ tịch nước hay Tổng bí thư Đảng. Có lẽ chính vì tình trạng trên, Nghi định 52/2016 nhằm hạn chế lương cơ bản (không tính thưởng và phụ cấp) của lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước (DNNN) ở mức cao nhất là 36 triệu/một tháng, nhưng vẫn còn tính chất chấp vá vì không có qui định về tiền thưởng dựa trên lợi nhuận, do đó lãnh đạo DNNN vẫn có thể tự quyết trong việc nâng lương tùy tiện từ lợi nhuận.

Lương trên là bình thường trong một nền kinh tế thị trường có năng suất cao nhưng cực khủng trong xã hội mà hầu hết mọi người lương cực thấp, kể cả Chủ tịch Nước.

Có thể lập luận là tập đoàn nhà nước phải cạnh tranh với doanh nghiệp tư nhân nên cần chi trả mức lương cao như thế để lôi kéo người tài?. Thực tế có phải thế không? Hay lãnh đạo DNNN được đặt vào vị trí như thế chỉ bởi vì có quan hệ với lãnh đạo chính trị, là người có quyền bổ nhiệm, thay vì dựa trên cơ chế tuyển dụng khách quan theo tài

<sup>15</sup> <http://www.thesaigontimes.vn/156693/No-tra-no-va-khung-hoang.html>

<sup>16</sup> <http://news.zing.vn/thu-nhap-binh-quan-nhan-vien-viettel-dat-hon-30-trieuthang-post683581.html>.

năng. Nếu DNNN đều được lãnh đạo bởi người tài, có lẽ hầu hết các DNNN không làm ăn bết bát như hiện nay. Nhóm lợi ích không gì khác hơn là quan hệ không đảng phái giữa lãnh đạo chính trị, lãnh đạo tập đoàn nhà nước và các công ty tư nhân sâu sau.

**Hiện nay, có thể nói, sự chênh lệch quá lớn về lương giữa người lãnh đạo DNNN và lãnh đạo chính trị là một yếu tố quan trọng dẫn đến tham nhũng hiện nay. Do đó nếu chưa tư hữu hóa ngay được thì cần phải có chính sách:**

- a) **Về nguyên tắc, lãnh đạo chính trị cũng không khác gì lãnh đạo các doanh nghiệp, dù tư nhân hay nhà nước, lương của lãnh đạo chính trị phải cao hơn hay ít nhất bằng lương lãnh đạo doanh nghiệp (dù tư nhân hay nhà nước) hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất. Cũng thế, lương công chức phải cao hơn hay ít nhất bằng lương lao động tư nhân có cùng trình độ và làm các công việc có yêu cầu về chuyên nghiệp tương đương. Hai nguyên tắc trên cần áp dụng trong một hệ thống lấy tính ưu tú làm tiêu chí.**
- b) **Do đó cần bảo đảm lương lãnh đạo chính trị ở cấp có quyền kiểm soát và cử lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước (DNNN) cao hơn lương lãnh đạo DNNN người mà họ cử ra. Lương chủ tịch nước Việt Nam hiện nay thấp hơn lương lãnh đạo và ngay cả công nhân trong một số tập đoàn nhà nước (viettel) là hiện tượng kỳ lạ, không thể không đưa đến lỗi hệ thống. Lương cao cho lãnh đạo chính trị là cơ sở để dân chúng buộc họ phải “chí công vô tư” và đặt họ dưới sự giám sát của các Quốc hội và cơ quan kiểm sát độc lập, xóa bỏ các ưu đãi, phụ cấp ngoài lương và đưa ra ngoài vòng pháp luật việc nhận phong bì và các thứ tương tự (xem Phụ lục 4 có bàn chi tiết thêm về mục này). Nếu lấy tỷ lệ bình quân lương trên GDP bình quân đầu người của nhiều nước là 12.5 lần (xem Phụ lục 4) thì lương của Chủ tịch nước, Thủ tướng, Chủ tịch Quốc hội Việt Nam nên ở mức 27 ngàn USD một năm. Dù lấy Singapore làm chuẩn với tỷ lệ lương cao hơn GDP đầu người cao 32 lần, thì lương lãnh đạo Việt Nam ở mức 70 ngàn USD một năm cũng không có gì là quá đáng.**
- c) **Việc thành lập DNNN và việc bổ nhiệm lãnh đạo DNNN (hội đồng quản trị) cần được thực hiện theo các thủ tục minh bạch và kiểm soát chặt bởi cơ quan dân cử (Quốc hội và Hội đồng nhân dân) chứ không thể chỉ thuộc thẩm quyền chỉ định của Thủ tướng hoặc các bộ trưởng hoặc chức sắc tương đương ở tỉnh hay thành phố trong ngành liên quan. Hội đồng quản trị sẽ quyết định bổ nhiệm tổng giám đốc, kiểm sát viên tài chính (financial controller) và kế toán trưởng trách nhiệm về chi tiêu trong công ty và độc lập với tổng giám đốc. Đây cũng là lý do khi công ty bị phá sản, đe dọa phá sản, chủ nợ thường đòi quyền chỉ định kiểm sát viên. Do đó cần có luật đòi hỏi cũng như bảo đảm trách nhiệm của kiểm soát viên tài chính và kế toán trưởng giữ sổ sách theo đúng thực tế khách quan, không được gian dối “hợp lý hóa” theo chỉ đạo của tổng giám đốc hay hội đồng quản trị.**
- d) **Cần xem xét lại cơ chế quyết định lương của người lãnh đạo và lao động trong DNNN khi chưa tư hữu hóa. Nghị định về lương 52/2016 chưa triệt để kiểm soát dùng lợi nhuận để thưởng (không phải lương) nhằm tăng thu nhập không phải là lương.**

## Phụ lục 1

### Nguyên tắc tính lương công chức ở Việt Nam

Lương ở VN, cũng như nhiều nước khác và cả tổ chức quốc tế như Liên Hợp Quốc, dựa vào bảng lương, theo ngạch, với hệ số, và hệ số trên tăng bậc tùy theo thâm niên (ở VN cứ 3 năm tăng bậc một lần). Ngoài ra, cũng như Trung Quốc, ở Việt Nam khi giữ chức vụ còn được cộng thêm hệ số chức vụ từ 0.4 đến 1.5. Càng nhiều chức thì càng nhiều hệ số.

Lương = lương cơ sở x hệ số

Lương cơ sở thời gian qua như sau:

Trước năm 2016: 1.15 triệu/tháng

Trước 1/7/ 2017: 1.21 triệu

Từ 1/7/ 2017: 1.30 triệu

Như thế, từ sau 1/7/2017, mọi công chức, quân nhân, công an đều hưởng mức lương tăng thêm 13% (1.3/1.15).

Nếu không tính các phụ cấp:

Lương chủ tịch nước/TBT đảng;  $13 \times 1.3 = 16.9$  triệu/tháng.

Lương thủ tướng  $12.5 \times 1.3 = 16.25$

Lương đại tướng  $11 \times 1.3 = 14.3$ , nhưng nếu kiêm nhiệm bộ trưởng, thì  $(11+1.5) \times 1.3 = 16.25$

Lương thiếu úy =  $3.95 \times 1.3 = 5.1$ .

#### Hệ số lương cán bộ, công chức

Ngạch	Hệ số lương	Ngạch	Hệ số lương
Chủ tịch nước, TBT đảng	13	Giáo sư đại học cao cấp	8
Thủ tướng, chủ tịch Quốc hội	12.5	Phó giáo sư, giáo sư	5-6
Ủy viên Bộ chính trị	11.10	Giảng viên đại học	3
Bộ trưởng	9.7-10.3	Chuyên viên cao cấp	6.2-8
Đại tướng	10.4	Chuyên viên chính	4-6
Đại tá	8.0	Chuyên viên	2.10-4
Đại úy	4.9-5.3		
Thiếu úy	3.45-3.95		

#### Nguồn:

- Bảng lương cán bộ đảng: Quyết định 128-QĐ/TW: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Quyết-dinh-128-QĐ-TW-che-do-tien-luong-can-bo-cong-chuc-115171.aspx>
- Bảng lương cán bộ chính phủ: Số: 730/2004/NQ-UBTVQH11. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Nghi-quet-730-2004-NQ-UBTVQH11-phe-chuan-bang-luong-chuc-vu-phu-cap-chuc-vu-can-bo-lanh-dao-Nha-nuoc-bang-luong-chuyen-nghiep-vu-Toa-An-Kiem-sat-52792.aspx>
- Bảng lương quân đội, công an: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Thong-tu-77-2016-TT-BQP-huong-dan-muc-luong-co-so-doi-tuong-dang-huong-luong-phu-cap-quan-ham-315994.aspx>
- Về chế độ tiền lương: [http://moj.gov.vn/vbpg/lists/vn%20bn%20php%20lut/view\\_detail.aspx?itemid=18674](http://moj.gov.vn/vbpg/lists/vn%20bn%20php%20lut/view_detail.aspx?itemid=18674)

#### Chú thích:

Khi nắm chức vụ điều hành, có thể cộng thêm vào hệ số lương từ 0.4 đến 1.50. Thí dụ trung ương ủy viên BCT làm chủ tịch hay bí thư tỉnh thì lương là hệ số lương cộng thêm  $11.1 + 1.25 = 12.35$ , ngoài ra còn thêm khoản phụ cấp bằng tiền, và các khoản phụ cấp nhà ở, v.v.



## Phụ lục 2

### So sánh lương giáo sư đại học

Giáo sư là những người có học hàm cao nhất trong xã hội, nên lương hay thu nhập từ hoạt động trong đại học cao hơn thu nhập bình quân trong xã hội là bình thường.

Lương hay thu nhập dùng để phân tích dưới đây là lương chính thức từ ngân sách nhà trường của một trường thuộc Đại học Quốc gia TPHCM, bao gồm lương cơ bản tính theo hệ số, cộng thêm phụ cấp chức vụ và phụ cấp ưu đãi.

<b>Hộp 1. Khảo sát lương giảng viên đại học ở TP HCM và ở một số trường đại học tại Mỹ</b>				
<b>A. Lương giảng viên đại học TPHCM tháng 3 2017</b>				
Hệ số lương	Số giáo viên	Chi lương tháng (triệu đồng)	Lương bình quân tháng (triệu đồng)	Lương tháng (USD)
1. 7-8	9	109	12.1	548
2. 6	55	559	10.2	462
3. 4-5	55	448	8.2	371
4. 3	228	1235	5.4	246
5. 2	32	131	4.1	186
6. Tính chung	379	2481	6.5	298
7. Hệ số lương 2-3	260	1366	5.3	239
8. GDP bình quân đầu người 2016			4.1	186
4. Tỷ lệ 1/3				160%
5. Tỷ lệ 6/3				248%
<b>B. Lương giáo sư đại học Mỹ năm 2017</b>				<b>US</b>
1. Lương năm				85,000
2. Lương tháng				7,083
3. GDP bình quân				52,400
4. Lương/GDP bình quân				1.62
<b>C. Lương giáo sư tại New York city năm 2017</b>				<b>US</b>
1. Lương năm Phó giáo sư tại CUNY				98,000
2. Lương năm giáo sư thực thụ tại CUNY				125,000
3. GDP bình quân ở NYC				70,000
4. GDP bình quân ở Mỹ				52,400
5. Tỷ lệ 1/3				1.40
6. Tỷ lệ 2/3				1.79
7. Tỷ lệ 3/4				1.34

#### **Nguồn thông tin:**

1. Đại học VN: dựa vào thông tin tác giả được cung cấp.

2. Đại học Mỹ nói chung:

[http://www.payscale.com/research/US/Job=Professor%2C\\_Postsecondary\\_%2F\\_Higher\\_Education/Salary](http://www.payscale.com/research/US/Job=Professor%2C_Postsecondary_%2F_Higher_Education/Salary)

3. Đại học TP New York: <https://www.glassdoor.com/Salary/CUNY-City-University-of-New-York-Salaries-E3726.htm>

4. GDP cả nước và địa phương: <https://bea.gov/>

5. Dân số Mỹ cả nước và địa phương:

<https://www.census.gov/data/tables/2016/demo/popest/total-metro-and-micro-statistical-areas.html>

Phân tích một trường đại học thuộc Đại học Quốc gia thành phố HCM trên cho thấy lương trung bình của giáo viên là 6.5 triệu/tháng.

Lương của giáo viên cấp giữa (có hệ số lương là 2 hoặc 3), tức là tuyệt đại đa số, là 5.3 triệu đ /tháng, khoảng \$239. Lương của giáo sư cao cấp và cấp lãnh đạo trường có hệ số lương là 7-8 có thể có lương từ 10 đến 12 triệu một tháng. Lương cấp cao như thế cũng chỉ khoảng \$500 còn trung bình là khoảng \$300.

Lương như thế là cao hay thấp?

Ở đây, để so sánh, cần tính tỷ lệ lương so với GDP bình quân đầu người của quốc gia.

Nếu so ở mức quốc gia, thì lương giáo sư ở VN cũng tương đương với ở Mỹ, tức là cao hơn GDP đầu người 62%. Lương giáo sư trung bình ở Mỹ một năm là \$85,000, so với GP đầu người năm 2016 là \$52,400 (Xem Hộp 1 ở trên).

Khảo sát đại học Malaysia cho thấy tỷ lệ lương giảng viên đại học so với GDP đầu người là 230%, tỷ lệ này cao hơn đáng kể so với Việt Nam và Mỹ.

Như thế so với mặt bằng thu nhập của cả nước, thì lương giảng viên đại học ở Việt Nam đặc biệt là ở cấp giáo sư thực thụ có thể tăng lên, ngay cả khi tăng lên ở mức 230% GDP đầu người như ở Malaysia cũng chỉ đạt mức 9 triệu/tháng (tức là \$430).

Tuy nhiên, không nên nâng lương đại trà, mà nên có chính sách xây dựng một vài đại học ưu tú. Ví dụ ở Trung Quốc, họ đã xây dựng một số đại học công lập có lịch sử lâu dài, tiếp tục tính ưu tú trong chọn lựa sinh viên, với số sinh viên chỉ khoảng dưới 20 ngàn (không mở đại trà đến gần 80-100 ngàn sinh viên như Đại học TPHCM hay Hà Nội. Những đại học uy tín như Thanh Hoa, Bắc Kinh, Giao Thông, Nhân Dân trả lương phó giáo sư (assistant professor) là \$50,000 một năm,<sup>17</sup> nếu so với sức mua của đồng USD ở Thượng Hải cao hơn Mỹ khoảng 78% thì lương trên tương đương với lương cùng bậc ở Mỹ là \$85 ngàn. Nếu kể thêm phụ cấp nhà ở thì lương ở Giao Thông nhỉnh hơn. Như thế họ có thể lôi kéo những giáo sư ưu tú người Hoa và cả người nước ngoài sang Trung Quốc.

<sup>17</sup> [https://www.glassdoor.com/Salary/Shanghai-Jiao-Tong-University-China-Salaries-IE232059.0,29\\_IL.30,35\\_IN48.htm](https://www.glassdoor.com/Salary/Shanghai-Jiao-Tong-University-China-Salaries-IE232059.0,29_IL.30,35_IN48.htm).

Điều này cũng được GS Nguyễn Tiến Dũng đã được mời giảng dạy ở Đại học Giao Thông xác nhận.

### Phụ lục 3

## Phương pháp tính chi ngân sách nhà nước năm 2014 cho an ninh quốc phòng, tỷ đồng

	Tổng	TW	ĐP	US
<b>Tổng chi</b>	1,103,983	496,679	607,304	52.2
<b>1. Chi đầu tư</b>	248,452	61,673	186,779	11.7
<b>2. Chi trả nợ, viện trợ</b>	131,940	119,432	12,508	6.2
<b>(Quĩ bổ xung dự trữ)</b>	299	299		
<b>3. Chi thường xuyên</b>	<b>723,292</b>	<b>315,275</b>	408,017	<b>34.2</b>
3.1. Giáo dục	174,777	15,244	159,533	8.3
3.2. Khoa học công nghệ	7,028	5,338	1,690	0.3
<b>3.3. Chi khác</b>	541,487	294,693	246,794	25.6
<b>3.3. Chi khác</b>	541,487	294,693	246,794	25.6
3.3.1. Chi lương hưu và bảo hiểm xh	79,878	79,878		3.8
3.3.2. Chương trình mục tiêu	10,134	3,648	6,486	0.5
3.3.2. Chi trợ giá	238	238		0.0
3.3.3. Chi y tế	53,800	7,004	46,796	2.5
3.3.4. Chi văn hóa, môi trường	18,857	18,857		0.9
<b>3.3.5. Phần còn lại của chi khác</b>	378,581	185,068	193,512	17.9
<b>3.3.5 Phần còn lại của chi khác</b>	378,581	185,068	193,512	17.9
3.3.5.1. Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	135,267	34,123	101,144	6.4
3.3.5.2. Cán bộ không chuyên trách	13,234		13,234	0.6
<b>3.3.5.3 Chi quốc phòng, công an</b>	<b>230,080</b>	<b>150,946</b>	<b>79,134</b>	<b>10.9</b>
<b>4. Chi quốc phòng, công an</b>	<b>230,080</b>			<b>10.9</b>
<b>4.1. Chi quốc phòng</b>	<b>95,558</b>			<b>4.5</b>
Chi vũ khí	40,181			1.9
Chi thường xuyên	55,377			2.6
<b>4.2. Chi công an</b>	<b>134,522</b>			<b>6.4</b>

**Nguồn thông tin và ghi chú:** Bộ Tài Chính, Quyết toán Ngân sách Nhà nước 2014. Sử dụng Excel file, tờ M04+, M06+, M07+, M08+. Số tổng tính từ các chi tiết trong các tờ trên, nên nhiều khi có sự khác nhau vì trong các tờ báo cáo, tổng ghi không bằng tổng các chi tiết. Chi y tế, sử dụng Niên giám Thống kê Y tế 2014.

#### Phương pháp tính:

Phương pháp tính chi phí cho quốc phòng và công an dựa trên phương pháp loại trừ, nghĩa là lấy tổng chi đã biết, trừ đi các mục chi khác đã biết, để tìm ra phần còn lại là chi cho quốc phòng và công an. Phần lớn thông tin dựa vào nguồn chính thức, chỉ có một phần nhỏ là dựa vào ước tính:

1. Tất cả số liệu trong phần 1. 2. 3. 3.3 hoặc là số liệu chính thức, hoặc là số liệu tính theo phương pháp loại trừ những số liệu chính thức. Thông tin chính thức lấy từ [Quyết toán Ngân](#)

[sách Nhà nước năm 2014](#), bảng M04+, M06+, M07+, M08+ (Excel files) của Bộ Tài chính (BTC).

2. Trong phần 3.3., thông tin về chi y tế từ ngân sách địa phương lấy từ [Niên giám Thống kê Y tế, 2014](#) của Bộ Y tế.

3. Chi phí quản lý hành chính trung ương dựa là số liệu chính thức từ Quyết toán của BTC. Số nhân viên ở trung ương là 223. Chi phí hành chính cho cả trung ương và địa phương tính dựa vào hệ số chi phí đầu người của trung ương áp dụng cho địa phương.

	TW	ĐP	Tổng
Cán bộ hành chính (ngàn)	112	438	550
Cán bộ đảng đoàn thể (ngàn)	111		111
Tổng (ngàn)	223	438	661

4. Chi phí cho cán bộ không chuyên trách chỉ tính theo lương 1.15 triệu/tháng áp dụng cho 959 ngàn người.

5. Chi phí cho quân đội, có phần [chi cho vũ khí là 1.9 triệu US](#), dựa vào thông tin nước ngoài. Chi thường xuyên tính theo lương 6 triệu/tháng, áp dụng cho 430 ngàn người, sau đó áp dụng hệ số chi lương bằng 0.559 chi phí hoạt động (không kể chi cho vũ khí) để tính chi phí hoạt động thường xuyên. Hệ số 0.559 tính từ bảng I/O năm 2012 cho toàn khu vực hành chính. Chi cho quân đội bằng chi cho vũ khí cộng với chi cho hoạt động thường xuyên. Tổng chi là 4.5 tỷ US. Con số này khoảng bằng [4.3 tỷ của Viện SIPRI tính](#), nghiên cứu về hòa bình ở Thụy Điển tính.

6. Hối suất qui trung bình năm từ tiền đồng sang USD năm 2014 là 21,148. Đây là hối suất Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) sử dụng.

## Phụ lục 4

### Lương lãnh đạo cao nhất nước, và tỷ lệ lương trên GDP bình quân đầu người và các yếu tố quyết định lương lãnh đạo chính trị và công chức

(Số liệu 2015 hay 2016 tùy nước)

Lãnh đạo cao nhất nước	Lương thực tế (USD)	GDP bình quân đầu người (USD)	Lương/GDP bình quân đầu người
	(1)	(2)	(4)=(1)/(2)
1. Lee Hsien Loong (Singapore):	1,700,000	52,961	32.1
2. CY Leung (Hong Kong)	530,000	43,681	12.1
3. Barack Obama (Mỹ)	400,000	57,467	7.0
4. Tony Abbott (Úc)	345,000	49,928	6.9
5. Michael Higgins (Ireland)	340,000	61,607	5.5
6. Xavier Bettel (Luxembourg)	340,000	102,831	3.3
7. Jon Key (New Zealand)	290,000	39,427	7.4
8. Angela Merkel (Đức)	283,000	41,936	6.7
9. Justin Trudeau (Canada)	257,000	42,158	6.1
10. Prayut Chan-o-cha, Thái lan	50,000	5,742	8.7
11. Joko Widodo (Indonesia)	124,000	3,362	36.9
12. Najib Razak (Malaysia)	100,000	10,829	9.2
13. Rodrigo Duterte (Phi)	31,200	3,002	10.4
14. Vladimir Putin (Nga)	136,000	8,748	15.5
15. Narendra Modi (Ấn Độ)	30,300	1,709	17.7
16. Dilma Rousseff (Brazil)	120,000	8,650	13.9
14. Jacob Zuma (Nam Phi)	273,000	5,274	51.8
15. Tập Cận Bình (Trung Quốc)	21,600	7,693	2.8
16. Trần Đại Quang (Việt Nam)	8,924	2,200	4.1
Tỷ lệ lương trên GDP bình quân đầu người (bỏ Nam Phi, Trung Quốc, Việt Nam)			12.5

Nguồn thông tin: kết hợp thông tin trên [VNexpress](#), [Business Insider](#).

Phụ lục về tỷ lệ lương trên GDP bình quân đầu người ở các nước chỉ là để tham khảo nếu như Việt Nam muốn áp dụng chính sách lương minh bạch và hợp lý đối với lãnh đạo chính trị. Lương hợp lý là nhằm xóa bỏ những thứ ưu đãi, hỗ trợ ngoài lương như ở nhà công vụ, có xe công và tài xế riêng, nhận phong bì đang xảy ra ở Việt Nam.

Hầu hết các nước chỉ có Thủ tướng hay Tổng thống là ở dinh nhà nước vì vấn đề an ninh và thể diện quốc gia.

Không có nguyên tắc nào để quyết định lương của lãnh đạo chính trị cao nhất, như tổng thống hay thủ tướng hay công chức nói chung, nhưng có thể lấy hai yếu tố sau làm cơ sở. (a) nếu coi là

nhà nước là một tập toàn không lẽ thì các doanh nghiệp nhà nước hay tư nhân là doanh nghiệp con, do đó lương của chủ tịch tập đoàn phải cao hơn hay ít nhất bằng lương chủ tịch tập đoàn con; (b) nếu lấy tiêu chí ưu tú để tuyển chọn công chức, thì lương của họ phải cao hơn hay ít nhất bằng lương của những người lao động trong doanh nghiệp tư nhân có cùng trình độ chuyên môn và thực hiện nhiệm vụ tốt. Do đó, khi lương của lãnh đạo cao nhất nước đã được qui định thì lương của công chức trong chính quyền hay doanh nghiệp nhà nước, tức là thuộc khu vực công, đều bị khống chế thấp hơn.

Singapore là nước quyết định lương lãnh đạo chính trị và công chức phải cao hơn lương bình quân của các chức vụ tương tự ở khu vực tư nhân, với hai mục đích: thu hút được người tài và ngăn chặn tham nhũng do áp lực của đồng tiền từ doanh nghiệp và thế lực tài phiệt. Có thể họ coi lãnh đạo một nước cũng không khác gì lãnh đạo một tập đoàn. Lương Thủ tướng Singapore hiện nay là cao nhất thế giới, gấp 3 lần lương của người lãnh đạo Hồng Kông, gấp 4 lần lương Tổng thống Mỹ, và bằng 32 lần GDP bình quân đầu người của Singapore. [Lý Quang Diệu đã phát biểu như sau](#): “Thủ tướng, bộ trưởng xử lý nhiều tỷ đô la không thể có lương thấp, vì sẽ phải chịu rủi ro lỗi hệ thống. Lương thấp không thể thu hút được người có khả năng, những người đưa tới sự thành công trong công việc chuyên môn và kinh doanh. Lương thấp sẽ thu hút được những kẻ giả đạo đức, nói ngon ngọt về phục vụ quần chúng để nắm quyền, nhưng khi có quyền chúng sẽ lộ nguyên hình, và phá hoại đất nước.

(Ministers who deal with billions of dollars cannot be paid low salaries without risking a system malfunction. Low salaries will not attract able men who are or can be successful in their professions or business. Low salaries will draw in the **hypocrites** who sweet talk their way into power in the name of public services, but once in charge will show their true colour, and ruin the country.” )

— Lee Kuan Yew ([19 July 1996](#))

Tuy vậy, lương cao chỉ có thể giảm được hấp lực của đồng tiền chứ không thể xóa được tham nhũng, nếu như hệ thống luật pháp không vô tư. Điển hình là lương Tổng thống Nam Phi còn đạt tỷ lệ cao hơn Singapore, lên tới gần 52 lần GDP bình quân đầu người, nhưng vẫn là người bị xếp vào loại lãnh đạo tham nhũng, bị tòa án buộc phải trả tiền khi dùng công quỹ sửa lại nhà riêng.